TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 49/2017/HNGĐ-ST Ngày: 25-9-2017 V/v tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Hiếu;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 25/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 387/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2017 về việc "Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ C, sinh năm 1986; HKTT: Ấp P, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Ông Phan Viết H1, sinh năm 1976; HKTT: Ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà C có mặt, bị đơn ông H1 vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 07/6/2017, bản tự khai, biên bản công khai chứng cứ, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (bà C) trình bày:***

Bà C và ông H1 chung sống với nhau từ năm 2003, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời kỳ hôn nhân, bà C và ông H1 có với nhau 02 người con chung tên Phan Thị Mỹ H2, sinh ngày 17/4/2004 và Phan Thị Mỹ L, sinh ngày 29/8/2008. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, bà C và ông H1 đã ly hôn theo Quyết định số 165/2010/QĐST-HNGĐ ngày 15/9/2010 của TAND huyện D. Theo đó, ông H1 là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Phan Thị Mỹ H2, bà C là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phan Thị Mỹ L và hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Năm 2013, bà C thấy rằng ông H1 chăm sóc cháu H2 không tốt, thường xuyên đánh con nên bà C đã làm đơn thay đổi quyền nuôi con, đồng thời yêu cầu ông H1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tại Bản án số 17/2013/HNGĐ-ST ngày 26/4/2013 của TAND huyện D đã tuyên xử: Giao cháu H2 cho bà C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là cháu H2 và cháu L mỗi tháng 1.300.000 đồng (mỗi cháu 650.000 đồng/tháng) cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2013.

Năm 2014, ông H1 làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Tại Quyết định Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 86/2014/QĐST-HNGĐ ngày 14/3/2014 của TAND huyện D đã công nhận sự thỏa thuận của bà C với ông H1 về vấn đề con chung và cấp dưỡng nuôi con chung, cụ thể như sau: Ông H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H2, bà C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu L, các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Quá trình giải quyết vụ án, bà C khai cháu H2 chung sống với ông H1 từ tháng 3/2014 đến tháng 7/2016, cháu H2 không còn muốn ở với ông H1. Từ tháng 8/2016 đến nay, cháu H2 đã về sống chung cùng với bà C tại ấp P, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương. Bà C thấy rằng ông H1 chăm sóc nuôi dưỡng cháu H2 không tốt, bỏ bê việc chăm sóc con chung, cháu H2 là con gái đang tuổi lớn nên cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, bà C yêu cầu được thay đổi quyền nuôi con, cụ thể bà C yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu H2. Đồng thời, bà C yêu cầu ông H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung là cháu Phan Thị Mỹ H2, sinh ngày 17/4/2004 và Phan Thị Mỹ L, sinh ngày 29/8/2008 mỗi tháng là 2.000.000 đồng (mỗi con chung là 1.000.000 đồng/tháng) cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Qua tranh tụng công khai tại phiên tòa, bà C xác định chỉ yêu cầu ông H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung là cháu H2 và cháu L mỗi tháng là 1.300.000 đồng (mỗi con chung là 650.000 đồng/tháng) cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Bà C cho biết, hiện nay ông H1 làm nghề phụ bán bia, nước ngọt, phụ bán gas, phụ chở vật liệu xây dựng cho mẹ ruột là bà Nguyễn Thị H3 nhà tại ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương. Bà C xác định, thu nhập hàng tháng của ông H1 là 6.000.000 đồng.

Bà C trước đây làm công nhân cho Công ty giầy da tại xã H, huyện C, tỉnh Bình Phước, thu nhập bình quân mỗi tháng là 5.000.000 đồng nhưng đã nghỉ việc. Hiện nay, bà C đang làm phục vụ đám cưới tại huyện D, thu nhập hàng tháng khoảng 5.000.000 đồng.

Năm 2013, bà C kết hôn với ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1987; HKTT: Ấp L, xã H, huyện D. Đến năm 2016, bà C và ông P đã ly hôn tại TAND huyện D. Hiện nay, bà C đang sống chung cùng với các con Phan Thị Mỹ H2 và Phan Thị Mỹ L tại nhà của mẹ ruột bà C tên Truyện Thị K, sinh năm 1954 tại ấp P, xã M, huyện D.

Chứng cứ bà C giao nộp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình: 01 bản sao giấy CMND của nguyên đơn; 01 bản sao Sổ hộ khẩu; 02 bản sao giấy khai sinh của cháu H2 và cháu L; 01 bản sao Bản án số 17/2013/HNGĐ-ST ngày 26/4/2013 của TAND huyện D; 01 bản sao Quyết định số 86/2014/QĐST-HNGĐ ngày 14/3/2014 của TAND huyện D; 01 bản tự khai ngày 20/6/2017. Ngoài ra, bà C không cung cấp ý kiến gì khác.

**** Theo biên bản làm việc ngày 11/7/2017, bị đơn (ông H1) thể hiện*:**

Ông H1 thống nhất với lời trình bày của bà C về việc ông H1 và bà C trước đây là vợ chồng và đã ly hôn theo Quyết định số 165/2010/QĐST-HNGĐ ngày 15/9/2010 của TAND huyện D. Trong thời kỳ hôn nhân, giữa ông H1 và bà C có với nhau 02 người con chung tên Phan Thị Mỹ H2, sinh ngày 17/4/2004 và Phan Thị Mỹ L, sinh ngày 29/8/2008. Khi ly hôn, ông H1 và bà C thỏa thuận ông H1 là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu H2, bà C là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu L, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Năm 2013, bà C làm đơn thay đổi quyền nuôi con, đồng thời yêu cầu ông H1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tại Bản án số 17/2013/HNGĐ-ST ngày 26/4/2013 của TAND huyện D đã tuyên xử: Giao cháu H2 cho bà C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là cháu H2 và cháu L mỗi tháng 1.300.000 đồng (mỗi cháu 650.000 đồng/tháng) cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Năm 2014, ông H1 làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Tại Quyết định Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 86/2014/QĐST-HNGĐ ngày 14/3/2014 của TAND huyện D đã công nhận sự thỏa thuận của bà C, ông H1 về vấn đề con chung và cấp dưỡng nuôi con, cụ thể như sau: Ông H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H2, bà C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu L, các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Cháu H2 chung sống với ông H1, ông H1 luôn chăm sóc tốt cháu H2, làm tròn bổn phận của một người cha với con. Tuy nhiên, từ khoảng tháng 6/2016, bà C ly hôn với người chồng sau và thường xuyên dụ dỗ cháu H2 về sống cùng. Từ đó đến nay cháu H2 về ở cùng với bà C, không còn sống với ông H1. Từ khi về ở cùng với bà C, cháu H2 trở nên hư hỏng, không chăm lo học tập, thường hay bỏ đi chơi khuya và có những lời lẽ xúc phạm tới ông H1, nói ông H1 không phải là cha của cháu H2. Hiện nay, bà C yêu cầu được thay đổi quyền nuôi con

đối với cháu H2 thì ông H1 đồng ý để bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H2.

Đối với yêu cầu cầu của bà C về việc yêu cầu ông H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung thì ông H1 không đồng ý vì các lý do sau đây:

- Trước đây, ông H1 có làm phụ cho bà H3 (mẹ ruột của ông H1) trong việc buôn bán vật liệu xây dựng, bán nước giải khát. Từ khoảng 01 năm nay ông H1 không còn làm cho bà H3 mà đi làm nghề phụ hồ. Hiện nay, ông H1 đang có hoàn cảnh khó khăn, thu nhập hàng ngày là 170.000 đồng, mức thu nhập trên chưa tính chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí sinh hoạt khác. Ngoài ra, mức thu nhập trên không ổn định do có ngày làm, ngày nghỉ, v.v…

- Ông H1 hiện đang sống cùng với vợ tên Nguyễn Thị H4, sinh năm 1993; ngụ tại: Ấp Đ, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương. Giữa ông H1 và bà H4 chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và chưa có con chung. Ông H1 không có nhà riêng, hiện đang cùng bà H4 ở nhờ trên căn nhà của mẹ ruột ông H1 tên Nguyễn Thị H3.

Chứng cứ ông H1 giao nộp để chứng minh lời trình bày của mình: Biên bản làm việc ngày 11/7/2017. Ngoài ra, ông H1 không cung cấp ý kiến gì khác.

**** Ý kiến của con chung tên Phan Thị Mỹ H2***:

Trong thời gian sinh sống cùng với cha là ông H1, ông H1 thường bỏ bê, không quan tâm chăm sóc cháu H2. Nay, cháu H2 có nguyện vọng được về sinh sống cùng với mẹ là bà C.

**** Kết quả xác minh của Tòa án thể hiện***:

Theo kết quả xác minh ngày 10/7/2017 và ngày 17/7/2017 đối với bà Nguyễn Thị H3 là mẹ ruột của ông H1 và đại diện của chính quyền địa phương thể hiện:

- Trước đây, ông H1 có làm phụ cho bà H3 (mẹ ruột) trong việc buôn bán vật liệu xây dựng, bán nước giải khát. Từ khoảng 01 năm nay ông H1 không còn làm cho bà H3 mà đi làm thuê, ai thuê gì làm đó. Ông H1 không có nhà ở riêng mà sinh sống cùng nhà với bà H3, thu nhập hàng ngày của ông H1 không biết chính xác và không ổn định.

- Ông H1 hiện đang sống cùng với vợ tên Nguyễn Thị H4, sinh năm 1993; ngụ tại: Ấp Đ, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương. Giữa ông H1 và bà H4 chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và chưa có con chung.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D có ý kiến*:**

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tống đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà C có mặt, bị đơn ông H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông H1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, đề nghị

Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn ông H1 theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Không kiến nghị xem xét, bổ sung thủ tục tố tụng. Nội dung vụ án, căn cứ Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Bà C khởi kiện tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông H1 với yêu cầu cụ thể là yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Phan Thị Mỹ H2, sinh ngày 17/4/2004, đồng thời bà C yêu cầu ông H1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Phan Thị Mỹ H2, sinh ngày 17/4/2004 và Phan Thị Mỹ L, sinh ngày 29/8/2008 mỗi tháng là 1.300.000 đồng (mỗi con chung là 650.000 đồng/tháng) cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Ông H1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà C. Quá trình làm việc và xác minh đã xác định được ông H1 có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung".

[2] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà C có mặt; con chung Phan Thị Mỹ H2 có mặt. Bị đơn ông H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông H1 vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn của bà C: Bà C và ông H1 là vợ chồng từ năm 2003 đến năm 2010 thì ly hôn. Trong thời kỳ hôn nhân, bà C và ông H1 có với nhau 02 người con chung tên Phan Thị Mỹ H2, sinh ngày 17/4/2004 và Phan Thị Mỹ L, sinh ngày 29/8/2008. Khi ly hôn, bà C và ông H1 thỏa thuận ông H1 là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu H2, bà C là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L và hai bên không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Sau nhiều lần thay đổi quyền nuôi con, theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 86/2014/QĐST-HNGĐ ngày 14/3/2014 của TAND huyện D đã công nhận sự thỏa thuận của bà C với ông H1 về vấn đề con chung và cấp dưỡng nuôi con chung, cụ thể như sau: Ông H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H2, bà C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu L, không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung. Từ tháng 8/2016 đến nay, cháu H2 đã về sống chung cùng với bà C và bà C có ý kiến muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H2, ông

H1 cũng đồng ý giao cháu H2 cho bà C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của các bên đương sự theo quy định tại các Điều 81, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bà C: Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 86/2014/QĐST-HNGĐ ngày 14/3/2014 của TAND huyện D thì ông H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H2, bà C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu L, không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nhưng hiện nay bà C khởi kiện yêu cầu ông H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung là cháu H2 và cháu L với mức mỗi tháng là 1.300.000 đồng (mỗi con chung là 650.000 đồng/tháng) cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Theo quy định tại Điều 82, 108, 110, 116, 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì người không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chưa thành niên. Ông H1 không trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi 02 con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Về thu nhập, bà C xác định, ông H1 có thu nhập hàng tháng là 6.000.000 đồng nhưng không đưa ra được chứng cứ nào để chứng minh mức thu nhập trên. Ngược lại, ông H1 xác định hiện nay ông đi làm thuê, ai thuê gì làm nấy, thu nhập không ổn định và điều này phù hợp với kết quả xác minh, làm việc của Tòa án. Như vậy, mức thu nhập của ông H1 là không cao. Theo quy định của pháp luật, mức cấp dưỡng nuôi con không được thấp hơn ½ mức lương cơ bản tại thời điểm giải quyết (1.300.000 đồng/tháng). Do đó, cần buộc ông H1 phải cấp dưỡng nuôi con mức 650.000 đồng/tháng/con chung.

[5] Các bên đương sự được thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung và quyền thay đổi người nuôi con theo các Điều 81, 82, 83, 84, 85, 86 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về phần các thủ tục tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa và đề xuất hướng giải quyết về nội dung là có cơ sở, phù hợp pháp luật.

[7] Bị đơn ông H1 phải chịu án phí thay đổi quyền nuôi con chung sau khi ly hôn và án phí cấp dưỡng sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân năm 2015;

- Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84, 85, 86, 108, 110, 116, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung của bà Nguyễn Thị Mỹ C đối với ông Phan Viết H1, xử lý cụ thể như sau:

1. *Về quyền nuôi con chung*: Bà Nguyễn Thị Mỹ C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Phan Thị Mỹ H2, sinh ngày 17/4/2004.

2. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Buộc ông Phan Viết H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 người con chung tên Phan Thị Mỹ H2, sinh ngày 17/4/2004 và Phan Thị Mỹ L, sinh ngày 29/8/2008 với mức 650.000 đồng/tháng/con chung cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H1 không thanh toán số tiền nêu trên, thì hàng tháng ông H1 còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Quyền nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con chung theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 86/2014/QĐST-HNGĐ ngày 14/3/2014 của TAND huyện D, tỉnh Bình Dương hết hiệu lực khi bản án này có hiệu lực pháp luật.

II. Về án phí:

1. Ông Phan Viết H1 phải chịu 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí thay đổi quyền nuôi con chung sau khi ly hôn và án phí cấp dưỡng sơ thẩm.

2. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ C số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0005395 ngày 07 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 25/9/2017).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo đúng quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện D;
- CC THA DS huyện D;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Minh Đồng